

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 44/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 28/9/2020

*“V/v: Tranh chấp chia tài sản chung sau  
khi ly hôn; Tranh chấp hợp đồng tặng  
cho quyền sử dụng đất; Tranh chấp đòi lại  
tài sản”.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lệ Trang

*Các Thẩm phán:* Bà Phan Thị Thu Hương

Bà Đỗ Thị Nhung

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Ông Lê Huy Hoàng – Thư ký Tòa án  
nhân dân tỉnh Đồng Nai,

**-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:**  
Ông Phùng Đức Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét  
xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình phúc thẩm số: 48/2020/TLPT-  
HNGĐ ngày 21/8/2020 ngày 21/8/2020 về việc: *“Tranh chấp chia tài sản chung  
sau khi ly hôn; Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất; Tranh chấp  
đòi lại tài sản”*

Do bản án dân sự sơ thẩm số 24/2020/HNGĐ-ST ngày 28/5/2020 của Tòa  
án nhân dân huyện Trảng Bom bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 52/2020/QĐ-PT ngày  
11 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Ông **Trần Thế P**, sinh năm 1947

HKTT: Số 176, Tổ 25, xóm 4, ấp H, xã N, huyện B, tỉnh N.

Chỗ ở hiện nay: Số 81/63, Khu phố 7, phường H, thành phố H, tỉnh N

**\* Bị đơn:** Bà **Nguyễn Kim C (Nguyễn Thị Kim C)**, sinh năm 1950

HKTT: Số 176, Tổ 25, xóm 4, ấp H, xã N, huyện B, tỉnh N.

Chỗ ở hiện nay: Số 52 đường Cụm Công nghiệp, tổ 25, ấp H, xã N, huyện  
B, tỉnh N.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Anh **Trần Nguyễn Thế T**, sinh năm 1977;

Chỗ ở hiện nay: Số 52 đường Cụm Công nghiệp, tổ 25, ấp H, xã N, huyện B, tỉnh N.

Chỗ ở hiện nay: 201B, ấp M, xã S, huyện B, tỉnh N.

2/ Anh **Trần Thế Q**, sinh năm 1981;

Chỗ ở hiện nay: Số 52 đường Cụm Công nghiệp, tổ 25, ấp H, xã N, huyện B, tỉnh N.

Chỗ ở hiện nay: 10/TG, ấp H, xã N, huyện B, tỉnh N.

3/ Chị **Huỳnh Thị Kim H**, sinh năm 1986

4/ Cháu **Trần Huỳnh Thế T**, sinh năm 2011

5/ Cháu **Trần Huỳnh Ánh D**, sinh năm 2012

6/ Cháu **Trần Huỳnh Thế V**, sinh năm 2018

*Người đại diện theo pháp luật của cháu T, D, V: Anh Trần Nguyễn Thế T và chị Huỳnh Thị Kim H.*

Cùng trú tại: ấp M, xã S, huyện B, tỉnh N

7/ Chị **Trần Phụng A**, sinh năm 1985

Trú tại: Khu phố 7, phường H, thành phố H, tỉnh N

8/ Anh **Trần Thế Đức T**, sinh năm 1978

Trú tại: Tổ 23, xóm 4, ấp H, xã N, huyện B, tỉnh N

9/ **Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam**

Địa chỉ trụ sở: Số 2 Láng Hạ, Quận Đ, thành phố N

*Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc H; Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện B, Bắc Đồng Nai.*

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, khu phố 3, thị trấn B, huyện B, tỉnh N.

*(Ông P, bà C, anh T, anh Q và chị A có mặt, các đương sự khác vắng mặt).*

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\* Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn – ông Trần Thế P trình bày:***

Ông và bà Nguyễn Kim C (Nguyễn Thị Kim C) đã được Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom giải quyết cho ly hôn theo bản án số 21/2018/HNGĐ-ST ngày 04/4/2018. Khi giải quyết về quan hệ hôn nhân, hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung không có.

Nay ông khởi kiện yêu cầu giải quyết chia khối tài sản chung của vợ chồng là 03 thửa đất số 366, 367, 368, tờ bản đồ số 12 (nay là thửa số 313, 312, 311, tờ bản đồ số 13), xã S, huyện B, tỉnh N; 03 thửa đất số 1608, 1609, 1610, tờ bản đồ số 32, xã N, huyện B, tỉnh N và 01 căn nhà cấp 4 trên thửa đất 366. Ngày 24/5/2019, ông thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của mình, không yêu cầu chia 03 thửa đất tại xã N và tài sản trên đất. Ngoài ra, ông không yêu cầu chia tài sản chung nào khác. Ông yêu cầu chia tài sản chung với tỷ lệ 6:4 (ông 6 phần, bà C 4 phần) và yêu cầu được nhận trị giá tài sản.

Thửa đất số 366 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 741794 ngày 06/11/2013; Thửa đất số 367 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 741793 ngày 30/12/2011; Thửa đất số 368 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 741792 ngày 30/12/2011 cho ông và bà C. Nguồn gốc 03 thửa đất nêu trên là do ông nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Đình T ngày 08/02/2004, bà Trần Thị C ngày 12/01/2004 và bà Nguyễn Thị H ngày 12/01/2004. Hiện tại, 03 thửa đất nêu trên đang do gia đình anh Trần Nguyễn Thế T quản lý, sử dụng. Trên thửa đất số 366 có căn nhà cấp 4 do ông xây dựng vào năm 2010, trên thửa đất số 367, 368 có căn nhà một trệt một lầu do anh T xây dựng vào năm 2018. Hiện tại, giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 366 do ông đang giữ, còn lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 367, 368 đang do Phòng giao dịch S thuộc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện B đang giữ.

Đối với yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Kim C về việc tranh chấp đòi lại tài sản là số tiền 1.030.560.000đ thì ông không đồng ý. Bởi, thời điểm ký hợp đồng tín dụng lấy tư cách là doanh nghiệp tư nhân T do ông đại diện để thuận lợi cho việc vay mượn, thế chấp 02 thửa đất nêu trên để vay số tiền 600.000.000đ nhưng ông chỉ nhận 300.000.000đ, số tiền còn lại do bà C sử dụng. Ông và bà C đã tất toán xong hợp đồng tín dụng nhưng chưa nhận 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 367, 368. Đây là số tiền nợ chung của ông và bà C (phát sinh trong thời kỳ hôn nhân), đã thanh toán xong, nay bà C yêu cầu ông thanh toán lại thì ông không đồng ý.

Đối với yêu cầu độc lập của anh Trần Nguyễn Thế T về việc tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất (thửa 367 và thửa 368, tờ bản đồ số 12) thì ông không đồng ý. Bởi, ông chỉ ký hợp đồng ủy quyền quản lý, sử dụng 02 thửa đất nêu trên cho anh T để thuận lợi cho việc kinh doanh, không phải hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất. Nên 02 thửa đất trên vẫn thuộc quyền sử dụng và là tài sản chung của ông và bà C.

Về nợ chung: Không có.

**\* Bị đơn – bà Nguyễn Kim C (Nguyễn Thị Kim C) trình bày:**

Bà và ông Trần Thế P đã ly hôn theo bản án số 21/2018/HNGĐ-ST ngày 04/4/2018 của TAND huyện B, đối với tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay, ông P khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn thì bà không đồng ý vì các thửa đất nêu trên hai bên đã thỏa thuận để cho bà và các con quản lý, sử dụng khi vợ chồng sống ly thân. Việc ông P thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện thì bà không có ý kiến gì.

Đối với yêu cầu độc lập của anh Trần Nguyễn Thế T thì bà đồng ý vì bà và ông P đã ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đối với hai thửa đất số 367, 368 cho anh T ngày 22/6/2016. Hình thức ký là hợp đồng ủy quyền nhưng bản chất là hợp đồng tặng cho, đã được UBND xã Hồ Nai 3 ký chứng thực. Hai bên chưa làm thủ tục sang tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Ngày 26/9/2019, bà có đơn yêu cầu phản tố, buộc ông P có nghĩa vụ thanh toán cho bà số tiền 1.030.560.000đ (trong đó: số tiền gốc là 600.000.000đ, số tiền lãi là 430.560.000đ tính từ tháng 01/2014 đến tháng 9/2019). Tại phiên tòa, số tiền yêu cầu thanh toán là 1.150.000.000đ (trong đó: số tiền gốc là 600.000.000đ, số tiền lãi là 550.000.000đ tính từ tháng 01/2014 đến tháng 5/2020). Vì bà cho rằng ông P đã ép bà ký hợp đồng thế chấp 02 thửa đất số 367, 368, tờ 12, xã S, huyện B để vay tiền của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 2120305/HĐTD ngày 07/01/2014 để vay số tiền 600.000.000đ, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất vay là 12%/năm. Sau khi vay tiền thì ông P đã dùng vào việc kinh doanh và tiêu xài riêng nhưng không trả nợ hàng tháng cho Ngân hàng mà bà là người thanh toán. Hợp đồng tín dụng đã được bà tắt toán xong nên nay bà yêu cầu ông P phải thanh toán lại cho bà số tiền gốc và lãi như đã nêu trên.

Về nợ chung: Không có.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:**

**Anh Trần Nguyễn Thế T:** Anh là con của ông P và bà C. Anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông P do thửa đất 367, 368, tờ bản đồ số 12, xã S, huyện B, ông P và bà C đã tặng cho anh theo hợp đồng ủy quyền ngày 22/6/2016 đã được chứng thực tại UBND xã N, huyện B. Nên nay anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện chia thửa đất 367, 368, đồng thời anh có yêu cầu độc lập trong vụ án, yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 22/6/2016. Ngoài ra, anh không yêu cầu tính công sức đóng góp và không còn yêu cầu nào khác.

**Anh Trần Thế Q:** Đối với yêu cầu khởi kiện của ông P đối với bà C thì anh không đồng ý. Anh là con trai của ông bà và có nhiều công sức đóng góp trong khối tài sản chung này nhưng không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

**Chị Huỳnh Thị Kim H:** Vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không có lời khai. Tại cấp P thẩm, chị ủy quyền cho chồng là anh Trần Nguyễn Thế T quyết định mọi vấn đề liên quan.

**Chị Trần Phương A:** Chị là con của ông P và bà C. Chị không có yêu cầu xem xét công sức đóng góp trong khối tài sản chung, không có ý kiến gì về các yêu cầu khởi kiện, phản tố, độc lập và không có yêu cầu gì trong vụ án.

**Anh Trần Thế Đức T:** Anh là con của ông P và bà C. Anh không có yêu cầu xem xét công sức đóng góp trong khối tài sản chung, không có ý kiến gì về các yêu cầu khởi kiện, phản tố, độc lập và yêu cầu được giải quyết vắng mặt.

**Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam:** Doanh nghiệp tư nhân do ông Trần Thế P là người đại diện có vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh B – PGD S số tiền 600.000.000đ vào ngày 07/01/2014, đã tắt toán ngày 12/12/2016 có thế chấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 741792 và BG 741793. Hợp đồng tín dụng đã được tắt toán xong và người vay có quyền được rút tài sản bảo đảm

nhưng cho đến thời điểm hiện tại khách hàng vẫn chưa rút tài sản bảo đảm. Phía Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định pháp luật và yêu cầu được giải quyết vắng mặt.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 24/2020/DS-ST ngày 28/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom quyết định :

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 217, Điều 218, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 59, Điều 62 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1.**Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thế P đối với bà Nguyễn Kim C (Nguyễn Thị Kim C) về việc “*Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn*”.

- Chia cho bà Nguyễn Kim C (Nguyễn Thị Kim C) được quyền sử dụng các thửa đất số 366, 367, 368, tờ bản đồ số 12 (nay là thửa 313, 312, 311, tờ bản đồ số 13), xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai và quyền sở hữu 01 căn nhà cấp 4 tọa lạc trên thửa đất số 366, tờ bản đồ số 12 (nay là thửa 313, tờ bản đồ số 13), xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Ông Trần Thế P có nghĩa vụ giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 741794 được UBND huyện Trảng Bom cấp ngày 06/11/2013 đối với thửa đất 366, tờ bản đồ 12 (nay là thửa 313, tờ bản đồ số 13), xã S, huyện B, tỉnh N cho bà Nguyễn Kim C (Nguyễn Thị Kim C).

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam có nghĩa vụ giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 741793 được UBND huyện B cấp ngày 30/12/2011 đối với thửa đất 367, tờ bản đồ 12 (nay là thửa 312, tờ bản đồ số 13), xã S, huyện B, tỉnh N và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 741792 được UBND huyện B cấp ngày 30/12/2011 đối với thửa đất 368, tờ bản đồ 12 (nay là thửa 311, tờ bản đồ số 13), xã S, huyện B, tỉnh N cho bà Nguyễn Kim C (Nguyễn Thị Kim C).

Bà C có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới và kê khai cấp quyền sở hữu nhà theo quy định pháp luật.

- Bà Nguyễn Kim C (Nguyễn Thị Kim C) có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Thế P số tiền 1.844.201.125đ (Một tỷ tám trăm bốn mươi bốn triệu hai trăm lẻ một ngàn một trăm hai mươi lăm đồng).

**2.** Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Kim C (Nguyễn Thị Kim C) đối với ông Trần Thế P về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”.

**3.**Đình chỉ yêu cầu độc lập của anh Trần Nguyễn Thế T đối với ông Trần Thế P và bà Nguyễn Kim C (Nguyễn Thị Kim C) về việc “*Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất*”.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ các đương sự phải chịu, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 10/6/2020bà Nguyễn Kim C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Ngày 12/6/2020anh Trần Nguyễn Thế T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Ngày 11/6/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom có quyết định kháng nghị số 330/QĐ.KNPT-VKS-DS đối với bản án dân sự sơ thẩm số 24/2020/DS-ST ngày 28/5/2020của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, đề nghị cấp P thẩm xét xử lại theo hướng sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:*

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự tham gia phiên tòa đảm bảo đúng thủ tục, quyền, nghĩa vụ theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, các đương sự đã tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử P thẩm công nhận sự thỏa thuận của đương sự. Viện kiểm sát rút quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của các đương sự làm trong hạn luật định, đóng tạm ứng án phí đúng quy định nên được xem xét theo thủ tục P thẩm. Chị Huỳnh Thị Kim H có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Trần Thế Đức T và đại diện Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án như sau:

Bà Nguyễn Kim C (Nguyễn Thị Kim C) được quyền sử dụng các thửa đất số 366, 367, 368, tờ bản đồ số 12 (nay là thửa 313, 312, 311, tờ bản đồ số 13),

xã S, huyện B, tỉnh N và quyền sở hữu 01 căn nhà cấp 4 tọa lạc trên thửa đất số 366, tờ bản đồ số 12 (nay là thửa 313, tờ bản đồ số 13), xã S, huyện B, tỉnh N.

Ông Trần Thế P có nghĩa vụ giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 741794 được UBND huyện B cấp ngày 06/11/2013 đối với thửa đất 366, tờ bản đồ 12 xã S, huyện B, tỉnh N cho bà Nguyễn Kim C (Nguyễn Thị Kim C).

Bà C có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất trên và kê khai cấp quyền sở hữu nhà theo quy định pháp luật. Mọi chi phí liên quan đến thủ tục kê khai, cấp đổi trên bà C tự chịu.

Bà Nguyễn Kim C (Nguyễn Thị Kim C) có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Thế P số tiền 1.800.000.000 (Một tỷ tám trăm triệu đồng).

Kể từ ngày ông Trần Thế P có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền trên, nếu bà Nguyễn Kim C (Nguyễn Thị Kim C) chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015.

Đối với công trình xây dựng trên đất tại thửa 367, 368 và một phần thửa 366 (mái che phía sau căn nhà cấp 4) của vợ chồng anh Trần Nguyễn Thế T, các đương sự thống nhất tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Xét thấy thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa P thẩm là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên ghi nhận.

Đối với yêu cầu độc lập của bà C về việc đòi ông P trả lại cho bà số tiền là 1.150.000.000đ: tại phiên tòa P thẩm Viện kiểm sát rút kháng nghị, bà C rút kháng cáo nên đình chỉ xét xử P thẩm đối với nội dung này.

[3]Về án phí: anh Trần Nguyễn Thế T phải chịu án phí dân sự P thẩm theo khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Kim C (Nguyễn Thị Kim C) và ông Trần Thế P là người cao tuổi và đã có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự P thẩm.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự

Sửa bản án sơ thẩm số 24/2020/HNGĐ-ST ngày 28/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 294, Điều 295, Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 59, Điều 62, Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1.**Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm như sau:

Bà Nguyễn Kim C (Nguyễn Thị Kim C) được quyền sử dụng các thửa đất số 366, 367, 368, tờ bản đồ số 12 (nay là thửa 313, 312, 311, tờ bản đồ số 13), xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai và quyền sở hữu 01 căn nhà cấp 4 tọa lạc trên thửa đất số 366, tờ bản đồ số 12, xã S, huyện B, tỉnh N.

Ông Trần Thế P có nghĩa vụ giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 741794 được UBND huyện B cấp ngày 06/11/2013 đối với thửa đất 366, tờ bản đồ 12, xã Bắc Sơn, huyện B, tỉnh N cho bà Nguyễn Kim C (Nguyễn Thị Kim C).

Bà C có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất trên và kê khai cấp quyền sở hữu nhà theo quy định pháp luật. Mọi chi phí liên quan đến thủ tục kê khai, cấp đổi trên bà C tự chịu.

Bà Nguyễn Kim C (Nguyễn Thị Kim C) có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Thế P số tiền 1.800.000.000 (Một tỷ tám trăm triệu đồng).

Kể từ ngày ông Trần Thế P có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền trên, nếu bà Nguyễn Kim C (Nguyễn Thị Kim C) chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015.

**2.** Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Kim C (Nguyễn Thị Kim C) đối với ông Trần Thế P về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”.

**3.** Đình chỉ xét xử P thẩm đối với kháng cáo của anh Trần Nguyễn Thế T về việc “*Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất*” đối với ông Trần Thế P và bà Nguyễn Kim C (Nguyễn Thị Kim C).

**4.** Về án phí:

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Trần Thế P và bà Nguyễn Kim C (Nguyễn Thị Kim C). Ông P, bà C không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự P thẩm.

Anh Trần Nguyễn Thế T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự P thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà anh T đã nộp



theo biên lai thu số 0007455 ngày 25/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cũng bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**5.** Những nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành.

**6.** Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom
- Chi cục THADS huyện Trảng Bom;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ P THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Lệ Trang**

